

Số: 3489/BTC-QLN

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2026

V/v Báo cáo tình hình giải ngân đầu tư công nguồn vốn nước ngoài năm 2025 và các biện pháp tăng cường giải ngân năm 2026.

Kính gửi: Phó Thủ tướng Chính phủ Bùi Thanh Sơn;
Đồng kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, Nghị quyết số 273/NQ-CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8/2025, các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 1/3/2025 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên và các Công điện của Thủ tướng Chính phủ đôn đốc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2025¹, các Bộ, cơ quan, địa phương trong thời gian qua đã tập trung triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, trong đó bao gồm nguồn vốn nước ngoài; rà soát, làm rõ nguyên nhân giải ngân vốn đầu tư công chậm; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; bảo đảm không để gián đoạn trong thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công khi tổ chức, vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Bộ Tài chính xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Bùi Thanh Sơn tình hình giải ngân đầu tư công nguồn vốn nước ngoài năm 2025 và các biện pháp tăng cường giải ngân năm 2026 như sau:

1. Bối cảnh chung và đặc thù giải ngân vốn đầu tư công từ nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài:

Năm 2025 là năm cuối thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021–2025, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Quốc hội và Chính phủ giao. Trong bối cảnh tình hình kinh tế trong nước và quốc tế tiếp tục diễn biến phức tạp, Chính phủ xác định việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực nhà nước. Tuy nhiên, công tác giải ngân, nhất là đối với nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài, còn gặp

¹ Công điện số 32/CĐ-TTg ngày 05/4/2025, số 60/CĐ-TTg ngày 9/5/2025, số 162/CĐ-TTg ngày 11/9/2025, số 169/CĐ-TTg ngày 21/9/2025, số 237/CĐ-TTg ngày 06/12/2025.

hiều khó khăn do đặc thù về quy trình, thủ tục, điều kiện ràng buộc của nhà tài trợ, cụ thể:

- Dự án sử dụng nguồn vốn ODA, vay ưu đãi phải đồng thời đáp ứng cả quy định của Việt Nam và nhà tài trợ, làm gia tăng yêu cầu về thủ tục, kéo dài thời gian chuẩn bị và triển khai dự án.

- Quy trình giải ngân nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài còn có sự khác biệt so với giải ngân nguồn vốn trong nước:

- + Điều kiện để giải ngân: ngoài các quy định trong nước, còn phải có ý kiến pháp lý làm điều kiện hiệu lực của hiệp định vay/thỏa thuận vay. Thời gian vừa qua, việc cấp ý kiến pháp lý thường kéo dài 06 tháng đến 01 năm sau khi ký kết hiệp định vay/thỏa thuận vay do còn có vướng mắc từ phía các nhà tài trợ và quy định của luật pháp trong nước, dẫn đến các dự án chưa thể rút vốn từ hiệp định vay/thỏa thuận vay ngay sau khi ký kết.

- + Phương thức giải ngân, thanh toán khác với phương thức giải ngân, thanh toán từ nguồn vốn trong nước (có thêm giải ngân từ tài khoản đặc biệt, tài khoản tạm ứng, thư tín dụng).

- + Thời điểm xác định số giải ngân không trùng với thời điểm nghiệm thu khối lượng và kiểm soát chi/xác nhận thanh toán mà phải gắn với thời điểm nhà tài trợ thực hiện giải ngân.

- + Việc giải ngân đối với các dự án do địa phương làm cơ quan chủ quản thực hiện cả 02 phần vốn, vốn cấp phát theo kế hoạch vốn cấp phát và vốn vay lại theo kế hoạch vốn vay lại.

2. Về giao, phân bổ và nhập Tabmis kế hoạch vốn: tình hình giải ngân kế hoạch vốn 2025 theo hình thức ghi thu ghi chi:

- Tại Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025, tổng kế hoạch vốn đầu tư công nguồn nước ngoài cấp phát Thủ tướng Chính phủ giao cho 9 Bộ và 31 địa phương (sau sáp nhập) từ nguồn ngân sách trung ương là 23.416,48 tỷ đồng, trong đó cho các Bộ, ngành là 11.060,38 tỷ đồng, địa phương là 12.356,10 tỷ đồng.

- Tại Quyết định số 2495/QĐ-TTg ngày 14/11/2025, Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh dự toán chi đầu tư phát triển vốn nước ngoài nguồn ngân sách trung ương, theo đó, kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn nước ngoài là 23.320,53 tỷ đồng, trong đó cho các Bộ, ngành là 10.261,39 tỷ đồng, địa phương là 13.059,14 tỷ đồng

- Bên cạnh đó, 15 Bộ, ngành, địa phương được giao kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài với số tiền 2.178,051 tỷ đồng, trong đó Bộ, ngành được giao 1.653,303 tỷ đồng, địa phương được giao 524,748 tỷ đồng.

- Các Bộ ngành, địa phương đã thực hiện phân bổ kế hoạch vốn chi tiết và nhập dự toán trên hệ thống Tabmis cho các dự án/tiểu dự án là 21.831,72 tỷ đồng, đạt 93,62% kế hoạch, trong đó Bộ ngành đạt 94,55%, địa phương đạt

92,89%.

3. Tình hình giải ngân vốn đầu tư công nguồn vốn nước ngoài năm 2025 theo hình thức ghi thu ghi chi:

a) Tình hình giải ngân

- Về giải ngân kế hoạch vốn năm 2025, đến hết 31/01/2026 (số liệu cập nhật tại thời điểm 15/3/2026²), giải ngân đầu tư công nguồn vốn nước ngoài của toàn quốc đạt tỷ lệ 45,49% kế hoạch vốn (10.608,60 tỷ đồng), trong đó của các Bộ ngành đạt tỷ lệ 59,44%, địa phương đạt tỷ lệ 34,53%. Tỷ lệ này thấp hơn so với tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công nguồn vốn nước ngoài cùng kỳ năm 2024 (52,29%). Bên cạnh đó, giải ngân kế hoạch vốn cho vay lại của các địa phương năm 2025 đạt 41,3%.

- Trong số các Bộ, địa phương được giao kế hoạch vốn đầu tư công nguồn vốn nước ngoài, có 5 Bộ, ngành³ và 8 địa phương⁴ đã giải ngân đạt trên 50% kế hoạch vốn được giao. Tuy nhiên, vẫn còn 03 địa phương không giải ngân vốn đầu tư công nguồn vốn nước ngoài kế hoạch vốn năm 2025⁵.

- Bên cạnh việc giải ngân kế hoạch vốn năm 2025, các Bộ, ngành địa phương còn giải ngân kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài. Lũy kế giải ngân kế hoạch vốn kéo dài năm 2024 là 931,44 tỷ đồng, đạt 42,76%, trong đó Bộ, ngành đạt 35,46%, địa phương đạt 65,79%. Có 01 Bộ ngành và 03 địa phương không giải ngân kế hoạch vốn 2024 kéo dài⁶.

(Phụ lục chi tiết giải ngân nguồn vốn nước ngoài theo cơ chế ghi thu ghi chi xin đính kèm).

b) Nhận xét:

Trong thời gian qua, Bộ Tài chính luôn coi công tác giải ngân vốn đầu tư công trong và ngoài nước là một nhiệm vụ trọng tâm, góp phần thực hiện thành công các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới.

Trong các tháng cuối năm 2025, sau Hội nghị thúc đẩy giải ngân tháng 10/2025, Bộ Tài chính đã tiếp tục thực hiện các biện pháp để đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn đầu tư công, nguồn vốn vay nước ngoài, cụ thể:

- Bộ Tài chính đã có công văn số 16311/BTC-QLN ngày 20/10/2025 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về giải ngân đầu tư công nguồn vốn nước ngoài 9 tháng đầu năm 2025 và định hướng thực hiện kế hoạch năm 2026. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng có các công văn gửi các địa phương, Ban quản lý dự án yêu

² Số liệu giải ngân theo KHV 2025 vẫn tiếp tục được Bộ Tài chính ghi nhận do theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP, các chủ dự án hoàn chứng từ cho Bộ Tài chính đối với các khoản chi tiêu từ tài khoản tạm ứng không vượt quá 6 tháng nên các khoản rút vốn về tài khoản tạm ứng trước và trong tháng 1/2026 theo KHV 2025 và đã chi tiêu, đã thực hiện xác nhận tại KBNN theo KHV 2025, chủ dự án vẫn đang tập hợp và gửi Bộ Tài chính báo cáo chi tiêu hoàn chứng từ theo KHV 2025.

³ Bộ Xây dựng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công Thương, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

⁴ Lào Cai, Điện Biên, Thái Nguyên, Ninh Bình, Quảng Trị, Gia Lai, An Giang, Cà Mau.

⁵ Lai Châu, Quảng Ngãi, Đồng Nai

⁶ Viện HLKHCN Việt Nam, Quảng Trị, Tuyên Quang, Thanh Hóa

cầu khẩn trương hoàn thiện các thủ tục cần thiết để triển khai công tác giải ngân, cảnh báo rủi ro đối với các địa phương, chủ dự án chậm triển khai (công văn số 206/BTC-QLN ngày 8/1/2026 gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và giải ngân KHV tại các địa phương; công văn số 585/BTC-QLN ngày 15/1/2026 đôn đốc giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công nguồn vốn nước ngoài năm 2025).

- Bộ Tài chính tiếp tục tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, đôn đốc giải ngân trực tiếp một số dự án tại các bộ, ngành, địa phương để nắm bắt tình hình giải ngân và xử lý kịp thời các vướng mắc ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án.

- Bộ Tài chính đã chủ động tổ chức các buổi trao đổi và làm việc với các nhà tài trợ WB, ADB, KfW... đánh giá tình hình triển khai dự án; đồng thời, trao đổi các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án nhằm mục tiêu cuối cùng là đẩy nhanh tiến độ giải ngân của dự án.

- Về cơ chế chính sách, Bộ Tài chính đang trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10/9/2025 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài, nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý về quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA, vay ưu đãi; đơn giản hóa quy trình, rút ngắn thời gian phê duyệt, điều chỉnh và triển khai dự án; phân cấp, phân quyền rõ ràng hơn; tạo cơ chế thông thoáng trong huy động hiệu quả vốn ODA. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính tiếp tục triển khai các công việc nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính và rút ngắn thời gian xử lý đơn rút vốn qua việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống rút vốn trên môi trường điện tử.

Tuy nhiên, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công nguồn nước ngoài kế hoạch vốn 2025 toàn quốc vẫn còn thấp hơn nhiều so với mục tiêu giải ngân 100% kế hoạch vốn theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP. Trong số 31 dự án/tiểu dự án của bộ ngành được giao kế hoạch vốn có 09 dự án/tiểu dự án chưa giải ngân. Đối với các địa phương vẫn còn 28 dự án chưa giải ngân (bao gồm các dự án viện trợ độc lập) trong tổng số 86 dự án được giao kế hoạch vốn.

- Trong năm 2025, các Bộ, ngành, địa phương vẫn đề xuất trả lại kế hoạch vốn; trong đó, 07 Bộ, ngành, 14 địa phương đã có công văn và nhập trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công đề nghị điều chỉnh giảm kế hoạch vốn nước ngoài năm 2025 số tiền 7.390,936 tỷ đồng (chiếm tới 31,56% kế hoạch vốn nước ngoài được Thủ tướng Chính phủ giao) và 01 địa phương đề xuất điều chỉnh tăng kế hoạch vốn là 52,3 tỷ đồng; một số các Bộ, ngành, địa phương đã đề xuất trả phần lớn kế hoạch vốn được giao trong năm 2025 như Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, tỉnh Vĩnh Long, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên chỉ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được điều chỉnh giảm kế hoạch vốn.

- Một số dự án có tình trạng giải ngân thấp kéo dài qua các năm như dự án trong lĩnh vực y tế, khoa học công nghệ, đường sắt đô thị, lâm nghiệp, (đều đã được Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ).

4. Nguyên nhân chậm giải ngân vốn đầu tư công nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài năm 2025:

Tỷ lệ giải ngân đầu tư công nguồn vốn nước ngoài năm 2025 còn thấp, bên cạnh các nguyên nhân về đặc thù giải ngân của nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài đã báo cáo tại mục 3, chủ yếu vẫn xuất phát từ một số nguyên nhân chủ quan sau:

a) Nhóm nguyên nhân từ tình hình/tiến độ triển khai thực tế của dự án. Đây là nhóm nguyên nhân chính dẫn đến kết quả giải ngân vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài còn chậm, và xuất hiện ở các dự án với mọi quy mô vốn và mọi địa bàn. Cụ thể là:

- Dự án chậm triển khai các công tác sẵn sàng cho đầu tư mặc dù dự án đã được bố trí kế hoạch vốn nên ảnh hưởng đến công tác giải ngân, cụ thể là: chậm giải phóng mặt bằng, tái định cư, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, chậm trong khâu đấu thầu, ký kết hợp đồng với nhà thầu. Một số dự án chưa kịp thời cập nhật, áp dụng đầy đủ các quy định mới của Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu (sửa đổi), dẫn đến lúng túng trong tổ chức thực hiện, chưa nắm bắt được các cơ chế, quy trình rút gọn theo quy định để đẩy nhanh tiến độ ở từng khâu.

- Công tác chuẩn bị dự án và tổ chức triển khai còn hạn chế, kéo dài, dẫn đến việc phải thực hiện nhiều điều chỉnh trong quá trình thực hiện (điều chỉnh hạng mục, tiến độ, cơ cấu nguồn vốn, thời gian giải ngân...), kéo theo các thủ tục phê duyệt điều chỉnh theo quy định trong nước và của nhà tài trợ (điều chỉnh chủ trương đầu tư, dự án, kế hoạch vốn, hiệp định vay), làm gián đoạn tiến độ giải ngân.

- Ngoài ra, một số dự án còn chịu tác động bất lợi của điều kiện thời tiết cực đoan, thiên tai, bão lũ, sạt lở, ảnh hưởng đến tiến độ thi công và nghiệm thu.

b) Nhóm nguyên nhân từ phía nhà tài trợ và đặc thù của dự án sử dụng vốn vay ODA, ưu đãi nước ngoài như các nhà tài trợ yêu cầu nhiều thủ tục cho ý kiến đối với các khâu của quá trình thực hiện dự án (từ khi bắt đầu đề xuất tài trợ đến khi kết thúc giải ngân), đồng thời việc cho ý kiến không phản đối hoặc ý kiến chấp thuận trong quá trình triển khai thủ tục đấu thầu của các nhà tài trợ cũng mất nhiều thời gian.

c) Công tác kế hoạch vốn tuy đã được hoàn thiện qua các năm nhưng việc xây dựng kế hoạch vốn vẫn chưa sát thực tế triển khai dự án. Vẫn còn tình trạng các Bộ, ngành, địa phương xin điều chỉnh giảm kế hoạch vốn; thậm chí có Bộ đề xuất điều chỉnh giảm ngay sau khi vừa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch vốn hằng năm.

d) Trong những tháng đầu năm 2025, các Bộ, ngành và địa phương vẫn tập trung thực hiện báo cáo chỉ tiêu và hoàn chứng từ đối với các khoản giải ngân từ tài khoản đặc biệt thuộc kế hoạch vốn năm 2024. Bên cạnh đó, một số dự án được giao kế hoạch vốn nước ngoài kéo dài năm 2024 ưu tiên giải ngân hết nguồn vốn này trước khi thực hiện giải ngân kế hoạch vốn nước ngoài năm 2025 (như trường hợp dự án của Đại học Quốc gia Hà Nội sử dụng vốn vay của

WB).

đ) Việc các tỉnh, thành phố thực hiện sáp nhập và vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp dẫn đến một số dự án phải thực hiện các thủ tục liên quan với nhà tài trợ như giới thiệu lại chữ ký người đại diện, tài khoản rút vốn... Tuy nhiên các nội dung này đã các cơ quan liên quan xử lý kịp thời và không làm ảnh hưởng đáng kể đến tiến độ giải ngân chung.

5. Giải pháp để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công nguồn ODA, vay ưu đãi nước ngoài trong năm 2026 và giai đoạn tiếp theo:

Trên cơ sở đánh giá tình hình giải ngân nguồn vốn nước ngoài năm 2025 như trên, Bộ Tài chính tiếp tục kịp thời nắm chắc tình hình giải ngân đầu tư công nguồn vốn nước ngoài, tăng cường phối hợp với các chủ dự án và nhà tài trợ trong công tác giải ngân, rút vốn; chủ động phối hợp với cơ quan chủ quản và nhà tài trợ giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Năm 2026 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm đầu triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030, đồng thời là thời điểm chuyển tiếp quan trọng sau khi hoàn thành sắp xếp tổ chức bộ máy và vận hành ổn định mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Việc đẩy nhanh và nâng cao hiệu quả giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài trong năm 2026 không chỉ góp phần tạo đà tăng trưởng kinh tế bền vững, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, mà còn định hình kỷ cương, hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn vốn nước ngoài cho cả giai đoạn 2026–2030.

Ngày 08/02/2026, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công điện số 12/CĐ-TTg về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm điều hành chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa năm 2026. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã giao nhiệm vụ cho các Bộ, cơ quan, các tỉnh, thành phố đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2026, nhất là các công trình trọng điểm, quan trọng quốc gia; quyết liệt triển khai các giải pháp để thực hiện mục tiêu giải ngân đầu tư công năm 2026 đạt 100% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ và kiến nghị một số giải pháp nhằm thúc đẩy giải ngân vốn nước ngoài năm 2026 và các năm tiếp theo như sau:

a) Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành và địa phương khẩn trương thực hiện các giải pháp trong phạm vi quản lý của mình và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, trong đó có nguồn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài để thực hiện mục tiêu giải ngân đầu tư công năm 2026 đạt 100% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

b) Đối với các cơ quan chủ quản

- Thủ trưởng các cơ quan, chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong công tác lập kế

hoạch vốn, bảo đảm chặt chẽ, chính xác và phù hợp với tiến độ thực hiện dự án; kiên quyết khắc phục tình trạng lập kế hoạch không sát thực tế, dẫn đến chậm giải ngân, phải điều chỉnh hoặc trả lại kế hoạch vốn.

- Ngay từ đầu năm cần rà soát phân bổ chi tiết dự toán đến từng dự án, đảm bảo sát tiến độ, nhu cầu giải ngân và kịp thời nhập vào hệ thống Tabmis để các dự án có cơ sở giải ngân. Trong đó tập trung vốn cho các dự án có tiến độ giải ngân tốt, các dự án ưu tiên cần sớm hoàn thành để đưa vào sử dụng và các dự án sắp hoàn thành, các dự án sắp hết thời hạn giải ngân theo quy định của hiệp định vay.

- Khẩn trương hoàn tất các thủ tục về đầu tư, xây dựng, về di dân tái định cư, giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án; chịu trách nhiệm bố trí đủ vốn đối ứng để thanh toán theo dự toán được giao; phối hợp với Bộ Tài chính, các cơ quan tổng hợp, các nhà tài trợ để giải quyết các vướng mắc phát sinh; đặc biệt là các dự án có thay đổi, cần thiết phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh hiệp định vay; báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các vướng mắc phát sinh vượt thẩm quyền, đặc biệt là các vướng mắc liên quan đến chế độ, chính sách; công tác tổ chức thực hiện trong bối cảnh phân cấp, phân quyền, triển khai pháp luật tại địa phương. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình giải ngân vốn ODA, gửi Bộ Tài chính theo đúng quy định.

- Thực hiện kiểm tra, rà soát, giám sát, đôn đốc thực hiện kế hoạch vốn của các chủ dự án, kịp thời tháo gỡ ngay vướng mắc, khó khăn trong triển khai dự án và giải ngân, chỉ đạo tập trung đẩy mạnh giải ngân các dự án đầu tư có tiềm năng giải ngân, các dự án đã hoàn tất các thủ tục đầu tư, công tác đấu thầu, phê duyệt hợp đồng.

- Các bộ, ngành, địa phương khẩn trương hoàn thiện hồ sơ thanh toán gửi Kho bạc Nhà nước để xác nhận thanh toán, đảm bảo chi trong dự toán được phân bổ, chi đúng chế độ quy định; phối hợp với Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại) và nhà tài trợ trong việc giải ngân.

c) Đối với các chủ dự án

- Tập trung triển khai các chương trình, dự án để kịp thời có khối lượng cho giải ngân. Chủ động điều phối, giám sát chặt chẽ công tác thực hiện dự án của các bên liên quan (tư vấn, nhà thầu) theo các nguồn vốn (vay, viện trợ đồng tài trợ, đối ứng), tuyển chọn tư vấn đủ năng lực, kinh nghiệm, đảm bảo việc thực hiện thông suốt. Kịp thời phát hiện các vướng mắc để xử lý hoặc báo cáo cơ quan chủ quản xử lý theo thẩm quyền.

- Chủ động báo cáo cơ quan chủ quản và các Bộ, ngành liên quan về các vướng mắc phát sinh trong từng khâu thực hiện dự án để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Phối hợp với Kho bạc Nhà nước thực hiện ghi thu ghi chi kịp thời, không để dồn chứng từ vào cuối năm.

d) Đối với Bộ Tài chính:

- Về cơ chế, chính sách: Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện đồng bộ hệ thống thể chế, chính sách pháp luật về quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn quy trình xử lý, tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm tự giải trình của các bộ, ngành, địa phương và chủ dự án liên quan; đẩy mạnh cải cách quy trình nghiệp vụ theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, theo dõi và giải ngân vốn vay nước ngoài.

- Về các thủ tục đối ngoại: Chủ trì, chủ động và quyết liệt trao đổi, làm việc với các nhà tài trợ để đơn giản hóa, rút ngắn quy trình, thủ tục liên quan đến giải ngân vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài; kịp thời xử lý các nội dung phát sinh thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ Tài chính, bảo đảm tiến độ triển khai và giải ngân theo cam kết với nhà tài trợ.

- Về công tác giám sát trong nước: Tăng cường theo dõi, giám sát, đôn đốc tình hình triển khai và giải ngân các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài; kịp thời phát hiện, tổng hợp và kiến nghị xử lý dứt điểm các vướng mắc, đặc biệt đối với các dự án chậm tiến độ kéo dài; trên cơ sở kết quả giám sát, chủ động đề xuất các biện pháp điều hành cần thiết với Thủ tướng Chính phủ (như xem xét không bố trí kế hoạch vốn năm sau đối với các dự án không hoàn thành kế hoạch được giao hoặc không có khả năng giải ngân theo tiến độ), nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý và sử dụng vốn.

Bộ Tài chính kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Phó Thủ tướng Chính phủ Bùi Thanh Sơn xem xét, chỉ đạo./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Phó TTgCP;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: NN&MT; XD; GDĐT; YT; NG; QP;
- Viện HL KHCN; ĐHQGHN; ĐHQGHCM;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để b/c);
- Các Vụ: PTHT, KTN, NSNN, KBNN;
- Lưu: VT, QLNN (15 b). 

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**




Trần Quốc Phương

Phụ lục 1

GIẢI NGÂN VỐN NƯỚC NGOÀI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 (CƠ CHẾ GTGC)

(Kèm theo công văn số **3489** /BTC-QLN ngày **23** /3/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

Mã	Tên Bộ/địa phương	Kế hoạch vốn được giao	Kế hoạch vốn đã nhập TABMIS	Tỷ lệ (%)	Giải ngân đến 31/01/2026	Tỷ lệ (%)
Tổng cộng		23.320.533,00	21.831.718,09	93,62%	10.608.603,87	45,49%
Địa phương		13.059.139,00	12.130.070,09	92,89%	4.508.972,45	34,53%
0000001	Thành phố Hà Nội	2.060.534,00	2.060.534,00	100,00%	820.428,79	39,82%
0000004	Tỉnh Cao Bằng	31.637,00	21.422,89	67,71%	3.522,20	11,13%
0000008	Tỉnh Tuyên Quang	719.204,00	684.807,00	95,22%	108.292,39	15,06%
0000011	Tỉnh Điện Biên	85.706,00	75.206,00	87,75%	75.206,00	87,75%
0000012	Tỉnh Lai Châu	198.000,00	0,00	0,00%	0,00	0,00%
0000014	Tỉnh Sơn La	60.000,00	50.000,00	83,33%	4.075,09	6,79%
0000015	Tỉnh Lào Cai	324.393,00	321.140,00	99,00%	198.848,20	61,30%
0000019	Tỉnh Thái Nguyên	167.222,00	167.222,00	100,00%	89.706,00	53,64%
0000020	Tỉnh Lạng Sơn	228.803,00	228.803,00	100,00%	33.015,50	14,43%
0000022	Tỉnh Quảng Ninh		0,00		0,00	0,00%
0000024	Tỉnh Bắc Ninh		0,00		0,00	0,00%
0000025	Tỉnh Phú Thọ	451.618,00	451.618,00	100,00%	177.463,00	39,29%
0000031	Thành phố Hải Phòng	111.940,00	111.940,00	100,00%	70.928,00	63,36%
0000033	Tỉnh Hưng Yên	55.000,00	55.000,00	100,00%	33.700,00	61,27%
0000037	Tỉnh Ninh Bình	107.470,00	107.470,00	100,00%	102.944,95	95,79%
0000038	Tỉnh Thanh Hóa	353.005,00	353.005,00	100,00%	162.568,00	46,05%
0000040	Tỉnh Nghệ An	419.157,00	419.157,00	100,00%	121.942,00	29,09%
0000042	Tỉnh Hà Tĩnh	749.212,00	749.212,00	100,00%	161.046,23	21,50%
0000044	Tỉnh Quảng Trị	894.951,00	779.086,00	87,05%	490.223,00	54,78%
0000046	Thành phố Huế	171.992,00	87.085,61	50,63%	44.606,71	25,94%
0000048	Thành phố Đà Nẵng	420.888,00	360.272,00	85,60%	202.752,84	48,17%
0000051	Tỉnh Quảng Ngãi	21.628,00	15.310,00	70,79%	0,00	0,00%
0000052	Tỉnh Gia Lai	242.987,00	242.987,00	100,00%	135.187,23	55,64%
0000056	Tỉnh Khánh Hòa	253.049,00	166.100,00	65,64%	19.360,59	7,65%
0000066	Tỉnh Đắk Lắk	556.493,00	526.634,00	94,63%	17.663,95	3,17%
0000068	Tỉnh Lâm Đồng	349.361,00	296.362,00	84,83%	13.063,00	3,74%
0000075	Tỉnh Đồng Nai	11.166,00	0,00	0,00%	0,00	0,00%
0000079	Thành phố Hồ Chí Minh	1.129.233,00	1.129.233,00	100,00%	452.569,16	40,08%
0000080	Tỉnh Tây Ninh	84.686,00	84.686,00	100,00%	27.333,42	32,28%
0000082	Tỉnh Đồng Tháp		0,00		0,00	0,00%
0000086	Tỉnh Vĩnh Long	2.133.225,00	1.977.685,59	92,71%	468.838,00	21,98%
0000091	Tỉnh An Giang	153.847,00	153.847,00	100,00%	148.719,32	96,67%
0000092	TP. Cần Thơ	279.523,00	221.036,00	79,08%	128.154,83	45,85%

Mã	Tên Bộ/địa phương	Kế hoạch vốn được giao	Kế hoạch vốn đã nhập TABMIS	Tỷ lệ (%)	Giải ngân đến 31/01/2026	Tỷ lệ (%)
0000096	Tỉnh Cà Mau	233.209,00	233.209,00	100,00%	196.814,06	84,39%
Bộ/ngành		10.327.345,00	9.767.599,00	94,58%	6.099.631,42	59,06%
1053610	Bộ NN&Môi trường	569.464,00	289.750	50,88%	181.855,63	31,93%
1057461	Bộ Xây dựng	6.258.399,00	5.978.367	95,53%	4.544.955,72	72,62%
1057112	Bộ Giáo dục và Đào tạo	646.996,00	646.996,00	100,00%	418.244,14	64,64%
1113657	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	1.157.705,00	1.157.705	100,00%	29.371,89	2,54%
1058752	Đại học Quốc gia Hà Nội	251.450,00	251.450	100,00%	179.331,16	71,32%
1057714	Bộ Y tế	400.105,00	400.105	100,00%	1.021,6	0,26%
1056987	Đại học Quốc gia TP HCM	706.974,00	706.974	100,00%	455.210,31	64,39%
	Bộ Ngoại giao	91.911,00	91.911,00	100,00%	45.300,00	49,29%
1054716	Bộ Công Thương	244.341,00	244.341,00	100,00%	244.341,00	100,00%

Phụ lục 2

**TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN CHO VAY LẠI
NGUỒN VỐN ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2025**

(Kèm theo công văn số 3489/BTC-QLN ngày 23/3/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

Mã	Tên Địa phương	Kế hoạch vốn được giao	Kế hoạch vốn đã nhập TABMIS	Tỷ lệ (%)	Giải ngân đến 31/01/2026	Tỷ lệ (%)
	Tổng	9.897.400	7.961.133	80,44%	4.087.283	41,30%
0000001	Thành phố Hà Nội	429.000	429.000	100,00%	334.547	77,98%
0000004	Tỉnh Cao Bằng	2.600	2.380	91,55%	391	15,05%
0000008	Tỉnh Tuyên Quang	52.300	23.400	44,74%	12.032	23,01%
0000011	Tỉnh Điện Biên	65.000	32.231	49,59%	32.231	49,59%
0000012	Tỉnh Lai Châu	10.000				
0000014	Tỉnh Sơn La	8.000	4.000	50,00%	2.717	33,96%
0000015	Tỉnh Lào Cai	130.100	122.772	94,37%	67.016	51,51%
0000019	Tỉnh Thái Nguyên	66.000	10.664	16,16%	9.967	15,10%
0000020	Tỉnh Lạng Sơn	35.400	25.423	71,82%	3.668	10,36%
0000022	Tỉnh Quảng Ninh					
0000024	Tỉnh Bắc Ninh					
0000025	Tỉnh Phú Thọ	183.200	182.100	99,40%	33.675	18,38%
0000031	Thành phố Hải Phòng	261.700	190.100	72,64%	165.500	63,24%
0000033	Tỉnh Hưng Yên	55.900	42.829	76,62%	33.700	60,29%
0000037	Tỉnh Ninh Bình	45.900	44.400	96,73%	44.119	96,12%
0000038	Tỉnh Thanh Hóa	346.600	105.941	30,57%	77.543	22,37%
0000040	Tỉnh Nghệ An	375.300	268.355	71,50%	57.669	15,37%
0000042	Tỉnh Hà Tĩnh	426.500	313.458	73,50%	105.068	24,64%
0000044	Tỉnh Quảng Trị	530.900	412.828	77,76%	242.062	45,59%
0000046	Thành phố Huế	150.000	62.329	41,55%	43.175	28,78%
0000048	Thành phố Đà Nẵng	465.300	377.000	81,02%	221.398	47,58%
0000051	Tỉnh Quảng Ngãi	17.100				
0000052	Tỉnh Gia Lai	241.200	108.277	44,89%	94.568	39,21%
0000056	Tỉnh Khánh Hòa	191.600	157.300	82,10%	8.297	4,33%
0000066	Tỉnh Đắk Lắk	216.200	166.195	76,87%	1.220	0,56%
0000068	Tỉnh Lâm Đồng	107.600	76.100	70,72%	8.716	8,10%
0000075	Tỉnh Đồng Nai	50.000	41.400	82,80%		
0000079	Thành phố Hồ Chí Minh	4.213.100	4.120.492	97,80%	2.174.470	51,61%
0000080	Tỉnh Tây Ninh	28.000	21.400	76,43%	21.298	76,07%
0000082	Tỉnh Đồng Tháp					
0000086	Tỉnh Vĩnh Long	778.800	250.402	32,15%	111.602	14,33%
0000091	Tỉnh An Giang	244.100	244.100	100,00%	121.562	49,80%
0000092	TP. Cần Thơ	138.500	103.600	74,80%	46.169	33,34%
0000096	Tỉnh Cà Mau	31.500	22.656	71,92%	12.900	40,95%